TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2025/DS-PT
Ngày: 15/4/2025
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh.

Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLPT-DS ngày 20/02/2025 về việc "Tranh chấp thừa kế; tranh chấp hợp đồng thế chấp và nghĩa vụ trả nợ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 335/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1051/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 2275/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Kim P, sinh năm: 1984, (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, L, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H (Có mặt), sinh

năm: 1961; địa chỉ: Số B đường B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (Giấy ủy quyền số công chứng 00003207 quyển số 8/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/12/2022 tại Văn phòng C);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị Kim P1, sinh năm: 1977, (Có mặt);

Địa chỉ: Số A đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lý Kim N, sinh năm: 1999, (Vắng mặt);

3. Bà Lý Kim A, sinh năm: 2004, (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ trụ sở chính: Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Á: Ông Nguyễn Anh T1 (Có mặt); Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (Giấy ủy quyền số 352/UQ-QLN.25 ngày 17/3/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Lý A H1 (sinh năm 1959, chết năm 2022) và bà Hà Thị X (sinh năm 1959) là vợ chồng. Ông H1, bà X có 03 người con gồm: Bà Lý Thị Kim P1 (sinh năm 1977), ông Lý Phụng H2 (sinh năm 1981, chết năm 2006, không có vợ con) và bà P. Trong quá trình chung sống, ông H1 và bà X tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tại số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1982.

Năm 1989, ông H1 và bà X ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 173 ngày 31/10/1989 của Tòa án nhân dân Quận A. Về tài sản chung các bên thỏa thuận: Ông H1 giao cho bà X 05 lượng vàng để ông H1 trọn quyền sở hữu nhà và đất trên. Ông H1 đã giao đủ cho bà X số vàng nêu trên và được trọn quyền sở hữu nhà và đất tại số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1999, ông Lý A H1 kết hôn với bà Nguyễn Thị Kim T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 quyển số 1/99 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận A cấp ngày 24/5/1999. Trong quá trình chung sống, ông H1 và bà T có 02 người con gồm: Lý Kim A, sinh năm: 1999 và Lý Kim N, sinh năm: 2004.

Năm 2013, ông H1 và bà T xin cấp chủ quyền nhà lại và được Ủy ban nhân dân Quận A1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 ngày 13/11/2013 cho ông H1 và bà T cùng đứng tên trên giấy tờ đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: 3 L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/12/2020, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Lý A H1 ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220 với Ngân hàng TMCP Á (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày cấp tín dụng, mục đích: tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình. Để đảm bảo khoản tín dụng trên, cùng ngày, bà T, ông H1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KHO.BĐCN.794.211220 với Ngân hàng để thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của nhà và đất số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2020, Ngân hàng cấp tín dụng cho ông H1, bà T số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất 10,5%/năm, lãi suất vay cố định trong thời hạn 03 tháng, điều chỉnh 03 tháng/lần theo Khế ước nhận nợ số 325893989 cùng ngày.

Ngày 06/3/2022, ông Lý A H1 chết, không để lại di chúc. Sau khi ông H1 chết, bà T vẫn tiếp tục hoàn trả số tiền nợ Ngân hàng hàng tháng theo đúng lịch trả nợ.

Yêu cầu Tòa án:

Phân chia di sản thừa kế của ông Lý A H1 trong nhà và đất số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P xin được hưởng 1/5 giá trị di sản của ông H1 (tương đương số tiền là 300.000.000 đồng).

Đối với phần nợ của ông Lý A H1, bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lý A H1 chung sống có đăng ký kết hôn và có 02 người con chung là Lý Kim A, Lý Kim N. Bà T xác nhận: Bà Lý Kim P, bà Lý Thị Kim P1, ông Lý Phụng H2 là con riêng của ông Lý A H1; ông Lý Phụng H2 chết trước ông H1 và không có vợ, con; cha mẹ của ông H1 đều đã chết trước ông H1; một phần giá trị nhà và đất số C đường L, Phường G, Quận

A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông H1, bà T đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Về phần khoản nợ với Ngân hàng, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP Á* có đơn yêu cầu độc lập ngày 24/01/2024 trình bày:

Ngày 29/12/2020, ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T thế chấp nhà, đất tại 32/7 Lê Đại H3 cho Ngân hàng TMCP Á để vay tiền, theo Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐCN.77.211220 được công chứng tại Văn phòng C1, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng Đ. Việc thế chấp tài sản này đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐCN.77.211220 có hiệu lực pháp luật (và cả hiệu lực đối kháng với người thứ ba) nên tài sản thế chấp phải được tiếp tục dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T với Ngân hàng cho đến khi việc thế chấp tài sản chấm dứt theo quy định tại Điều 327 Bộ luật Dân sự 2015.

Về yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn: Ngày 29/12/2020, Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220. Khoản vay được bảo đảm bởi nhà và đất tại 3 L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, hợp đồng tín dụng vẫn còn hiệu lực. Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, "Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết" (khoản 1 Điều 611); "Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" (Điều 614); và "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại" (khoản 1 Điều 615). Do đó, khi ông Lý A H1 chết (ngày 07/3/2022) thì các đồng thừa kế của ông H1 cùng với bà Nguyễn Thị Kim T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần mình nhận được trong phạm vi di sản thừa kế.

Như vậy, trường hợp bà Lý Kim P yêu cầu nhận di sản thừa kế là một phần nhà và đất tại 3 L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (ông Lý A H1) để lại, cụ thể là thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đồng thời là nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Á có Đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Tuyên nhà đất số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí

Minh tiếp tục là tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho ông Lý A H1, bà Nguyễn Thị Kim T cho đến khi các bên thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng; Buộc những đồng thừa kế của ông Lý A H1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo đảm với Ngân hàng trong phạm vi di sản thừa kế được nhận. Tạm tính đến ngày 05/3/2024, ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T còn nợ Ngân hàng số tiền là 70.889.991 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Lý Kim A, bà Lý Kim N* có văn bản gửi Tòa án thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà A, bà N yêu cầu chia ½ di sản thừa kế của ông Lý A H1 nhưng để bà T được hưởng nhiều hơn các đương sự còn lại vì ông Lý A H1 thường xuyên đau ốm, bệnh tật cho nên không có thu nhập, mọi chi phí trong gia đình do bà Nguyễn Thị Kim T gánh vác như thuốc điều trị khám bệnh cho ông Lý A H1, tiền xây nhà mới có cơ ngơi để nguyên đơn tranh chấp, thay chồng nuôi con ăn học đến nay. Do đó, bà T có công rất lớn giữ gìn tôn tạo tài sản là nhà và đất 3 đường L, Phường G, Quận A. Sau khi, ông Lý A H1 chết, bà Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp lo hậu sự, cúng, giỗ, trả nợ ngân hàng, tiếp tục nuôi các con ăn học, …. Đối với nợ Ngân hàng: yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý A H1 có nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng và các khoản nợ do ông Lý A H1 để lại kể từ thời điểm ông H1 chết. Đối với chi phí thẩm định tại chỗ, định giá nhà là 35.000.000 đồng: hai bà không thống nhất do chi phí này quá cao do với giá thực tế các vụ án khác, cần làm rõ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim P1 trình bày:* Bà P1 thống nhất với các ý kiến của bà P về di sản thừa kế, hàng thừa kế và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tài sản và khoản nợ do ông H1 để lại kể từ thời điểm ông chết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu được hưởng một phần di sản thừa kế do ông Lý A H1 để lại.

- Phía bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Di sản thừa kế của ông Lý A H1 là ½ giá trị nhà và đất số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà T đề nghị phân chia di sản của ông H1 làm 06 phần, các con mỗi người được 01 phần, bà T được 02 phần bao gồm: 01 kỷ phần theo pháp luật được hưởng, 01 kỷ phần còn lại tương đương công sức đóng góp của bà T trong quá trình tạo lập, tôn tạo di sản, duy tu, bảo dưỡng, nâng giá trị tài sản. Căn cứ vào giá trị đất

đã định giá và giá trị xây dựng đã thỏa thuận thì tổng giá trị nhà đất là 3.700.000.000 đồng. Do đó, phần mỗi người được hưởng tương đương 291.000.000 đồng.

Đối với việc tôn tạo, duy trì tài sản thể hiện qua việc năm 2020, bà T và ông H1 có xin phép Ủy ban nhân dân phường sửa chữa nhà ở do nhà cũ đã mục nát không thể ở nữa nên phải phá bỏ hoàn toàn để xây dựng lại. Tổng giá trị xây dựng là 800.000.000 đồng gồm số tiền 400.000.000 đồng vay Ngân hàng, 200.000.000 đồng do gia đình của bà T cho, 200.000.000 đồng là tiền chung của ông H1, bà T. Giấy tờ xin phép xây sửa nhà đất, hợp đồng thi công xây dựng nhà, các chứng từ thanh toán tiền xây nhà đều có đầy đủ nhưng bà T đã bỏ theo quan tài, chôn cùng ông H1 nên không cung cấp được cho Tòa án. Yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ Án lệ số 05 của Hội đồng thẩm phán để giải quyết về công sức đóng góp đối với di sản trên dù bà T không có đơn yêu cầu.

Tại văn bản trình bày ý kiến đã gửi Hội đồng xét xử ngày 20/9/2024, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Kim A, bà Lý Kim A có ý kiến về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đinh giá tài sản đối với là 35.000.000 quá cao, không đồng ý. Nay bà T, bà A, bà N không có ý kiến gì đối với chi phí tố tụng của Tòa án, thống nhất với các chi phí nêu trên.

- *Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Á g*iữ nguyên yêu cầu theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 24/01/2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị Kim P1*: Thống nhất với ý kiến của bà P, yêu cầu Tòa án phân chia di sản, giải quyết khoản nợ do ông H1 để lại theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Kim A, bà Lý Kim N*: Vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Bản án sự sơ thẩm số 335/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận A và quyết định sửa chữa bổ sung số 67/2024/QĐ-SCBS ngày 11/12/2024 đã tuyên đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn – bà Lý Kim P:

Những người thuộc hàng thừa kế của ông Lý A H1 gồm: Bà Lý Kim P, bà Lý Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N.

Di sản thừa kế của ông Lý A H1 là ½ giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số CH00379 ngày 13/11/2013 mang tên ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T. Phần còn lại là của bà Nguyễn Thị Kim T;

Sau khi trừ phần nợ của Ngân hàng TMCP Á tạm tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm, kỷ phần mà bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Kim P, bà Lý Thị Kim P1, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N mỗi người được hưởng 01/10 giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương 367.165.958 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng; Tổng cộng, phần của bà Nguyễn Thị Kim T là 06/10 giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sở hữu nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả lại kỷ phần cho bà Lý Thị Kim P1, bà Lý Kim P, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N mỗi người được hưởng là 01/10 giá trị nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi cấn trừ phần nợ của Ngân hàng TMCP Á,) tương đương số tiền là 367.165.958 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng. Việc giao nhận tiền được thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

Sau khi các đồng thừa kế thực hiện xong việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220 ngày 29/12/2022, Khế ước nhận nợ số 325893989 ngày 31/12/2020 và bà Nguyễn Thị Kim T hoàn trả xong kỷ phần cho những người đồng thừa kế thì bà Nguyễn Thị Kim T được trọn quyền sở hữu đối với nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cập nhật quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á:

Công nhận Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐCN.77.211220 ngày 29/12/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Lý A H1 và bà Nguyễn Thị Kim T. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của nhà và đất số C đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là tài sản bảo đảm cho

nghĩa vụ trả nợ của ông Lý A H1, bà Nguyễn Thị Kim T theo Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐCN.77.211220 ngày 29/12/2022 cho đến khi các bên thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Thị Kim P1, bà Lý Kim P, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220 ngày 29/12/2022, Khế ước nhận nợ số 325893989 ngày 31/12/2020 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Á và bà Nguyễn Thị Kim T, ông Lý A H1 trong phạm vi di sản được hưởng. Tại thời điểm xét xử, số nợ gốc còn lại là 53.396.000 đồng. Bà Lý Kim P, bà Lý Thị Kim P1, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả 01/10 nghĩa vụ trả nợ; bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả 06/10 nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220 ngày 29/12/2022, Khế ước nhận nợ số 325893989 ngày 31/12/2020.

Về chi phí tố tụng: Bà Lý Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Kim A, bà Lý Kim N mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng cho bà Lý Kim P.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/11/2024, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, đề nghị áp dụng Án lệ số 05 để xem xét công sức đóng góp cho bị đơn, tương đương với 01 suất thừa kế.

Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ bổ sung đối với yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Á giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Bà Lý Thị Kim P1: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Lý Kim N, Lý Kim A vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở.

Đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Bà Lý Kim A, bà Lý Kim N vắng mặt không lý do nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính công sức gìn giữ tôn tạo.

- Về di sản, hàng thừa kế của ông Lý A H1, hàng thừa kế và nghĩa vụ của hàng thừa kế:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do Ủy ban nhân dân Quận A1 cấp ngày 13/11/2013 xác định: Nhà đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do ông Lý A H1 tạo dựng từ năm 1982; và từ ngày 13/11/2013 là tài sản chung của vợ chồng ông Lý A H1 và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.CN.794.211220 và Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐCN.77.211220 ngày 29/12/2020, Khế ước nhận nợ số 325893989 ngày 31/12/2020;

Ông Lý A H1 chết ngày 06/3/2022 không để lại di chúc; xác định:

- Di sản thừa kế của ông H1 là ½ nhà đất tại số C L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 1.887.055.000 đồng (đất 1.637.055.000 đồng, nhà 250.000.000 đồng);

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 có 05 người gồm bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lý Kim P, bà Lý Thị Kim P1, bà Lý Kim A và bà Lý Kim N;

- Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ :

Nghĩa vụ của ông H1 là ½ số nợ tại Ngân hàng TMCP Á tính từ thời điểm ông H1 chết (ngày 06/3/2022) đến khi xét xử sơ thẩm; tổng số tiền nợ của ông H1 và bà T tạm tính là 102.450.420 đồng (nợ gốc 75.315.000 đồng, lãi + phí 27.135.420 đồng); như vậy, tiền nợ ngân hàng của ông H1 là 51.225.210 đồng. Căn cứ Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà T, bà P, bà P1, bà Kim A và bà Kim N *"có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại" là* 51.225.210 đồng.

- Về yêu cầu được chia thêm 01 kỷ phần là công sức tôn tạo, gìn giữ làm tăng giá trị di sản của bị đơn; đề nghị áp dụng Án lệ 05 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối co, nhưng yêu cầu này không đúng với quy định của án lệ.

Đồng thời, bà T cho rằng năm 2020, bà T và ông H1 đã phá bỏ nhà cũ mục nát để xây dựng lại với tổng giá trị xây dựng là 800.000.000 đồng gồm 400.000.000 đồng vay Ngân hàng, 200.000.000 đồng do gia đình của bà T cho, 200.000.000 đồng là tiền chung của ông H1, bà T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, tại Biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 19/6/2024, bà T xác định nhà do ông H1 kêu thầu và thi công, bà T không biết, không tham gia. Do đó, cấp sơ thẩm không xem xét chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã điều tra đầy đủ, áp dụng đúng trình tự thủ tục tố tụng nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 335/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024; Quyết định sửa chữa bổ sung số 67/2024/QĐ-SCBS ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân Quận A.

2. Bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bị đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0050256 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận A ;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà